|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP&PTNT  **CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 40/BC7N-BVTV |  |

**BÁO CÁO  
Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

*(Từ ngày 27 tháng 9 đến ngày 03 tháng 10 năm 2024)*

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG**

**1. Tình hình thời tiết trong tuần:** Theo Trung tâm Dự báo KT-TV Quốc gia.

***1.1. Các tỉnh Bắc Bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 27,2 0C; Cao nhất: 34,70C; Thấp nhất: 19,40C;

Độ ẩm: Trung bình: 82 %; Cao nhất: 92,8 %; Thấp nhất: 61,6%.

- Nhận xét: Đầu kỳ trời có lúc có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có nơi mưa vừa đến mưa to. Cuối kỳ ngày nắng, không mưa.

- Dự báo trong tuần tới: Từ ngày 04-10/10 đêm có mưa vài nơi, ngày nắng; sáng sớm có sương mù và sương mù nhẹ rải rác; đêm và sáng sớm trời lạnh, vùng núi có nơi trời rét.

***1.2. Các tỉnh Bắc Trung Bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 28,7 0C; Cao nhất: 37 0C; Thấp nhất: 23,5 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 81 %; Cao nhất: 90 %; Thấp nhất: 74,1 %.

- Nhận xét:Trong tuần, mây thay đổi, ngày trời nắng. Đêm và sáng sớm có mưa rào và dông vài nơi.

- Dự báo trong tuần tới: Từ ngày 04-10/10, có mưa vài nơi; Phía Bắc đêm và sáng sớm trời lạnh. Phía Nam (Quảng Trị-Thừa Thiên Huế) có mưa, mưa rào rải rác và có nơi có dông. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

***1.3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên***

*a) Duyên hải Nam Trung Bộ*

Nhiệt độ: Trung bình: 29,4 0C; Cao nhất: 34,0 0C; Thấp nhất: 25,6 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 83 %; Cao nhất: 85,8 %; Thấp nhất: 79,1 %.

*b) Tây Nguyên*

Nhiệt độ: Trung bình: 22,9 0C; Cao nhất: 32,9 0C; Thấp nhất: 14,8 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 87,0 %; Cao nhất: 92,3 %; Thấp nhất: 81,1 %.

- Nhận xét: Thời tiết tuần qua, khu vực Đồng bằng và Tây Nguyên trời mây

thay đổi, ngày nắng gián đoạn, chiều tối và đêm có mưa rào và dông, cục bộ có nơi mưa vừa đến mưa to. Nhìn chung, lúa Hè Thu, lúa Mùa, cây công nghiệp, cây ăn quả, rau màu và một số cây trồng chính khác sinh trưởng phát triển bình thường.

- Dự báo trong tuần tới:

+ Duyên Hải Nam Trung Bộ: Từ ngày 04-10/10, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng; riêng phía Bắc có mưa, mưa rào rải rác và có nơi có dông. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

+ Tây Nguyên: Từ ngày 04-10/10 có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng, riêng chiều tối và tối có mưa rào và dông rải rác. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh

***1.4. Các tỉnh Nam Bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 28,8 0C; Cao nhất: 36 0C; Thấp nhất: 24 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 82,4 %; Cao nhất: 89,0 %; Thấp nhất: 74 %.

- Nhận xét: Trong kỳ qua, khu vực phổ biến có mưa rào và dông vài nơi; riêng chiều tối và tối có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to.

- Dự báo trong tuần tới: Từ ngày 04-10/10 có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng, riêng chiều tối và tối có mưa rào và dông rải rác. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

***2.1. Các tỉnh Bắc Bộ***

***a) Cây lúa:***

Lúa Mùa 2024: Diện tích đã gieo, cấy được **833.542 ha/ 832.572 ha**, đạt 101 % so với kế hoạch*.* Đến ngày 03/10/2024, đã thu hoạch được 210.829 ha, chiếm 25,3 % diện tích gieo trồng Cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Trà sớm | Thu hoạch | 210.829 |  |
| Trà chính vụ | Chín - thu hoạch | 498.429 |  |
| Trà muộn | Trỗ - ngậm sữa, chắc xanh | 124.284 |  |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **833.542/ 832.572** | |

***b) Cây trồng khác:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây ngô Hè thu | Phát triển bắp – Thu hoạch | 187.900 |
| - Cây lạc | Phát triển củ | 5.506 |
| - Cây ăn quả |  |  |
| + Cây cam, quýt | Phát triển quả | 40.923 |
| + Cây bưởi | Phát triển quả - thu hoạch | 36.363 |
| + Cây xoài | Chăm sóc sau thu hoạch | 19.521 |
| + Cây chuối | Phát triển thân lá – thu hoạch | 43.349 |
| + Cây nhãn | Chăm sóc sau thu hoạch | 37.750 |
| + Cây vải | Phát triển lộc | 47.643 |
| - Cây công nghiệp |  |  |
| + Cây chè | Phát triển búp – thu hái | 85.704 |
| + Cây sắn | Phát triển thân lá – củ | 68.172 |
| + Cây dong | Phát triển thân, củ | 1.340 |
| + Cây cà phê | Phát triển quả – thu hoạch | 20.468 |
| + Cây mía | Phát triển lóng | 10.136 |
| - Cây lầm nghiệp | Phát triển lóng | 10.136 |
| + Cây thông | Khai thác nhựa | 366.658 |
| + Cây quế | Kinh doanh | 128.237 |
| + Cây hồi | Kinh doanh | 34.825 |
| + Cây bạch đàn | KTCB – KD | 17.056 |
| + Cây tre, luồng vầu | Kinh doanh | 4.137 |

***2.2. Các tỉnh Bắc Trung Bộ***

***a, Cây lúa:***

Lúa Hè Thu, Mùa 2024: Diện tích đã gieo, cấy **294.424 ha/ 302.672 ha**, đạt 97,28% so với kế hoạch. Đến ngày 03/10/2024, đã thu hoạch được **278.427,9** **ha**, chiếm 94,5% diện tích gieo trồng. Cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vụ Hè Thu** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích gieo trồng (ha)** | **Diện tích thu hoạch (ha)** |
| Trà sớm | Thu hoạch xong | 130.674,5 | 130.674,5 |
| Trà chính vụ | Chín - Thu hoạch | 151.394,3 | 147.753,39 |
| Trà muộn | Trổ - chín sữa- chín sáp | 12.355,6 |  |
| **Tổng** |  | **294.424,5** | **278.427,9** |

***b*, *Cây trồng khác***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cây trồng | Giai đoạn sinh trưởng | Diện tích gieo trồng (ha) |
| Ngô Hè Thu | PT bắp - TH | 24.152,9 |
| Ngô Thu Đông | Gieo-7 lá-xoắn nõn | 9.010,2 |
| Lạc Hè Thu | PT củ - thu hoạch | 2.106,2 |
| Lạc Đông | Gieo - Cây con | 1.109,8 |
| Cây rau đậu | PT thân lá - thu hoạch | 29.803,6 |
| Cây rau vụ Đông | Gieo - cây con | 6.083,6 |
| Khoai lang Đông | Trồng mới- PT thân lá | 543.1 |
| Cây sắn | PT củ - TH | 49.459,4 |
| Cây mía | Vươn lóng- tích lũy đường | 33.949,3 |
| Cây cam, chanh | KTCB- PT quả - thu hoạch | 36.827,7 |
| Cây cà phê | Quả già | 3.715,7 |
| Cây cao su | Kinh doanh | 69.800,6 |
| Cây hồ tiêu | PT thân lá | 3.404,6 |
| Cây chè | KTCB - KD | 14.730,6 |
| Cây thông | KTCB-KD | 94.626,5 |
| Keo, bạch đàn | KTCB – KD | 393.142,0 |
| Cây luồng | KTCB – KD | 82.333,0 |

***2.3. Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên***

***a) Cây lúa***

- LúaHè Thu 2024: Diện tích đã gieo cấy **343.834 ha/ 356.589 ha**,đạt 96,4 % so với kế hoạch. Đến ngày 03/10/2024, đã thu hoạch **247.193 ha**, chiếm 71,9% diện tích gieo trồng. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Trà** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Đồng Bằng | Sớm | Thu hoạch xong | 0 | 79.632 |
| Chính vụ | Thu hoạch xong | 0 | 104.622 |
| Muộn | Chín - Thu hoạch | 3.944,2 | 30.160 |
| Tây Nguyên | Sớm | Chín - Thu hoạch | 4.644,9 | 32.779 |
| Chính vụ | Chắc xanh- Chín | 57.091 |  |
| Muộn | Trỗ - Ngậm sữa | 30.961 |  |
|  |  |  |  | 247.193 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | | **343.834/ 356.589** | |

- Lúa vụ Mùa 2024: Diện tích đã gieo cấy **83.159** **ha**. Cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Trà** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Đồng bằng | Sớm | Trỗ - Chắc xanh | 9.202 |
| Chính vụ | Mạ - Đẻ nhánh – Làm đòng | 53.659 |
| Tây Nguyên | Sớm | Trỗ - Chắc xanh | 18.482 |
| Chính vụ | Mạ - Đẻ nhánh – Làm đòng | 1.816 |
| **Tổng cộng** | | | **83.159** |

***b) Cây trồng khác***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| Ngô Hè Thu 2024 | | Thâm râu - Thu hoạch | 131.958 |
| Ngô Mùa 2024 | | Cây con - PTTL- Xoáy nõn | 40.808 |
| Đậu Hè Thu 2024 | | Chắc quả - Thu hoạch | 46.445 |
| Đậu Mùa 2024 | | PTTL - Ra hoa - Quả non | 22.865 |
| Lạc Hè Thu 2024 | | Chắc quả - Thu hoạch | 11.968 |
| Lạc Mùa 2024 | | PTTL - Ra hoa - Đâm tia | 5.620 |
| - Cây rau | | Nhiều giai đoạn | 61.666 |
| - Sắn | |  | ***233.756*** |
| Đồng Bằng | ĐX 2023 - 2024 | Nuôi củ - Thu hoạch | 42.839 |
| Hè Thu 2024 | PTTL - Nuôi củ | 31.490 |
| Vụ Mùa 2024 | Xuống giống- cây con | 76 |
| Tây Nguyên | ĐX 2023 - 2024 | Nuôi củ | 12.531 |
| Hè Thu 2024 | PTTL - Nuôi củ | 144.686 |
| Vụ Mùa 2024 | Xuống giống | 2.134 |
| - Cây ăn quả: | |  |  |
| Thanh long | | Chăm sóc - Thu hoạch | 26.550 |
| Sầu riêng | | Thu hoạch - Chăm sóc sau TH | 76.916 |
| Nho | | Chăm sóc - Thu hoạch | 980 |
| Táo | | Chăm sóc - Thu hoạch | 1.108 |
| Dừa | | Nhiều giai đoạn | 14.674 |
| Cây có múi | | Các giai đoạn | 9.573 |
| - Cây công nghiệp | |  |  |
| Chè | | Chăm sóc - Thu hoạch | 10.563 |
| Mía | | Nhiều giai đoạn | 102.571 |
| Cà phê | | Nuôi quả - Chắc quả | 670.069 |
| Tiêu | | Quả non - Nuôi quả | 74.978 |
| Điều | | Chăm sóc | 135.437 |
| Cao su | | Khai thác mủ | 276.708 |

***2.4. Các tỉnh Nam Bộ***

***a) Cây lúa***

- Lúa Hè Thu 2024: Tổng diện tích đã gieo sạ **1.556.835 ha/ 1.540.011 ha**, đạt 101% so với kế hoạch; đã thu hoạch **1.487.378** **ha**,chiếm 95,5 % diện tích gieo trồng. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại**  **(ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Mạ | 0 |  |
| Đẻ nhánh | 0 |  |
| Đòng - trỗ | 1.779 |  |
| Chín | 67.678 |  |
| Thu hoạch |  | 1.487.378 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **1.556.835** |

- Lúa Thu Đông 2024: Tổng diện tích đã gieo sạ **854.150** **ha/ 773.822 ha**, đạt 110 % so với kế hoạch. Đến ngày 03/10/2024, đã thu hoạch **238.534 ha**, chiếm 27,9% diện tích gieo trồng Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại**  **(ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Mạ | 195.113 |  |
| Đẻ nhánh | 162.921 |  |
| Đòng-trỗ | 136.310 |  |
| Chín | 121.272 |  |
| Thu hoạch |  | 238.534 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **854.150** |

- Lúa Đông Xuân 2024-2025: đến nay diện tích xuống giống là 75.380 ha, cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại**  **(ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Mạ | 54.181 |  |
| Đẻ nhánh | 21.199 |  |
| Tổng | **75.380** |  |

***b) Cây trồng khác***

| **STT** | **Nhóm/ loại cây** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích gieo trồng (ha)** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Cây rau:** | Nhiều giai đoạn | 87.848 |
| **2** | **Cây ăn quả:** |  |  |
|  | Cây Dừa | Nhiều giai đoạn | 175.211 |
| Cây có múi | Nhiều giai đoạn | 130.384 |
| Cây Xoài | Sinh trưởng | 61.374 |
| Cây Chuối | Nhiều giai đoạn | 57.829 |
| Cây Mít | PTTL, Nuôi quả, TH | 59.778 |
| Cây Sầu Riêng | Sinh trưởng, TH - chăm sóc | 64.877 |
| Cây Nhãn | Chăm sóc, PTTL | 26.472 |
| Cây Thanh Long | Chăm sóc, PTTL | 19.718 |
| Cây Chôm chôm | Chăm sóc, PTTL | 18.582 |
| **3** | **Cây công nghiệp:** |  |  |
|  | Cây Cao su | Chăm sóc, PTTL | 518.120 |
| Cây Điều | Sau thu hoạch | 185.227 |
| Cây Khoai mì | PTTL, PT củ, thu hoạch | 48.617 |
| Cây Tiêu | Ra hoa – Nuôi trái | 34.978 |
| Cây Cà phê | Nuôi trái, thu hoạch | 23.288 |
| Cây bắp (ngô) | Nhiều giai đoạn | 20.571 |
| Cây Mía | Mới trồng, PTTL, đẻ nhánh | 20.127 |

**c) Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng trong vụ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Vụ | Diện tích bị thiệt hại và khắc phục (ha) | | | Nguyên nhân | | |
| Giảm NS  30-70% | Mất trắng (>70%) | Đã gieo  cấy, dặm lại | Khô hạn, nhiễm mặn (ha) | Ngập úng, đổ ngã |
| Hè Thu 2024 | 7.019,5 | 1.012,5 | 603,8 | 1.098,5 (KG) | 6.933,5 (KG, VT, ST) |
| Thu đông- Mùa | 300,4 | 73,6 | 374 |  | 374 (KG, VL) |
| **Tổng** | **7.319,9** | **1.086,1** | **977,8** | **1.098,5** | **6.933,5** |

\* Trong vụ Hè Thu 2024:

- Đã có 8.032 ha lúa bị thiệt hại, trong đó 1.098,5 ha lúa bị thiệt hại do khô hạn và nhiễm mặn, mức độ thiệt hại 30-70% là 474,8 ha, >70% là 623,7 ha tại tỉnh Kiên Giang; 6.933,5 ha lúa bị thiệt hại do ngập úng và đổ ngã, mức độ thiệt hại 30-70% là 6.544,7 ha, >70% là 388,8 ha tại tỉnh Kiên Giang (6.884,2 ha), BR-VT (40,3 ha), Sóc Trăng (9 ha).

**II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU**

**2.1. Cây Lúa**

***- Bệnh đạo ôn:***

***+ Bệnh đạo ôn lá***: Diện tích nhiễm 4.471 ha (giảm 826 ha so với kỳ trước, giảm 720 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 01 ha, phòng trừ trong kỳ 6.873 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Bắc Kan…Bình Thuận, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Lắk, An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Tây Ninh, Kiên Giang, Long An …;

**+ *Bệnh đạo ôn cổ bông*:** Diện tích nhiễm 1.874 ha (giảm 1.206 ha so với kỳ trước, giảm 63 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 1.278 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Gia Lai, Hậu Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cà Mau, Long An…;

***- Sâu cuốn lá nhỏ*:** Diện tích nhiễm 11.635 ha (giảm 9.971 ha so với kỳ trước, tăng 9.382 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 6.289 ha; phòng trừ trong kỳ 17.003 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nam Định, Quảng Ninh, Ninh Bình,…Nghệ An, Gia Lai, An Giang, Sóc Trăng, Tây Ninh, Đồng Tháp, Trà Vinh, Tp Hồ Chí Minh…;

***- Rầy hại lúa*:** Diện tích nhiễm 6.848 ha (tăng 2.179 ha so với kỳ trước, tăng 1.735 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 854 ha; phòng trừ trong kỳ 5.654 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Hà Nam, Hưng Yên, Ninh Bình,… Tiền Giang, Đồng Tháp, Tây Ninh, Đồng Nai, Long An, Bình Phước…;

***- Sâu đục thân 2 chấm*:** Diện tích nhiễm 1.463 ha (tăng 114 ha so với kỳ trước, tăng 384 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 78 ha; phòng trừ trong kỳ 14.371 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Bình, Bắc Ninh, Bắc Giang… Bình Thuận, Đắk Lắk, Bạc Liêu, Hậu Giang, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu …;

***- Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 11.865 ha (giảm 1.289 ha so với kỳ trước, tăng 2.222 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 457 ha; phòng trừ trong kỳ 5.915 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nam Định, Bắc Giang, Bắc Ninh…Vĩnh Long, Hậu Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng, An Giang, Tây Ninh…;

- ***Bệnh đen lép hạt***: Diện tích nhiễm 6.577 ha (giảm 3.473 ha so với kỳ trước, tăng 1.658 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 225 ha; mất trắng 6 ha tại Gia Lai, Đắk Lắk phòng trừ trong kỳ 5.641 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bắc Giang, Bắc ninh, Điện Biên, … Nghệ An, Gia Lai, Đắk Lắk, Sóc Trăng, Hậu Giang, Tiền Giang, An Giang, Vĩnh Long, Cà Mau…;

- ***Bọ trĩ***: Diện tích nhiễm 514 ha (tăng 88 ha so với kỳ trước, tăng 199 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 309 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Tây Ninh, Bạc Liêu, Sóc Trăng, An Giang, Đồng Tháp, Bình Phước…;

***- Ốc bươu vàng:*** Diện tích nhiễm 9.000 ha (tăng 4.077 ha so với kỳ trước, tăng 3.745 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 5.692 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Gia Lai, Bình Thuận, Khánh Hoà, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Đồng Nai, Long An, Trà Vinh, TP Hồ Chí Minh…;

***- Chuột:*** Diện tích nhiễm 5.586 ha (giảm 2 ha so với kỳ trước, tăng 1.430 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 98 ha; phòng trừ trong kỳ 1.287 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Bình, Hà Nội, Hà Nam,… Nghệ An, Bình Thuận, Khánh Hoà, Gia Lai, Đắk Lắk, An Giang, Hậu Giang, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh,…;

**2.2. Cây ngô**

***Sâu keo mùa thu:*** Diện tích nhiễm 210 ha (giảm 61 ha so với kỳ trước, giảm 405 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 04 ha, phòng trừ trong kỳ 151 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bắc Giang, Nam Định, Lai Châu, Phú Thọ, … Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Phú Yên, Bình Thuận, Đồng Nai, …;

**2.3. Cây nhãn**

***Bệnh chổi rồng:***Diện tích nhiễm 237 ha (giảm 7 ha so với kỳ trước, giảm 253 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 10 ha; phòng trừ trong kỳ 86 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bình Phước, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Trà Vinh, Tiền Giang, Bến Tre, Hậu Giang.

**2.4. Cây thanh long**

***Bệnh đốm nâu***: Diện tích nhiễm 4.432 ha (giảm 295 ha so với kỳ trước, giảm 909 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 33 ha; phòng trừ trong kỳ 4.998 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, Bà Rịa -Vũng Tàu;

**2.5. Cây dừa**

***- Bọ cánh cứng***: Diện tích nhiễm 5.467 ha (giảm 19 ha so với kỳ trước, tăng 10 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 28 ha; phòng trừ trong kỳ 263 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bến Tre, Sóc Trăng, Kiên Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bạc Liêu, hậu Giang, Trà Vinh, Cà Mau, …;

***- Sâu đầu đen*** (*Opisina arenosella* Walker): Diện tích nhiễm 1.140 ha (tăng 13 ha so với kỳ trước, tăng 786 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 271 ha; phòng trừ trong kỳ 473 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bến Tre, Trà Vinh,Tiền Giang, Kiên Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng…;

**2.6. Cây ăn quả có múi**

**- *Bệnh vàng lá thối rễ:*** Diện tích nhiễm 993 ha (giảm 26 ha so với kỳ trước, giảm 44 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 17 ha; phòng trừ trong kỳ 472 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Tuyên Quang, Bắc Giang, Hòa Bình,… Nghệ An, Hậu Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bà Rịa Vũng Tàu,…;

***- Bệnh Greening***: Diện tích nhiễm 594 ha (tăng 6 ha với kỳ trước, giảm 152 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 38 ha, mất trắng 05 ha tại tỉnh Nghệ An; phòng trừ trong kỳ 54 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nghệ An, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh., Bình Phước…;

**2.7. Cây sầu riêng**

***Bệnh xì mủ***: Diện tích nhiễm 3.951 ha (giảm 212 ha so với kỳ trước, tăng 100 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 215 ha; phòng trừ trong kỳ 6.349 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đồng Nai, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bình Phước, Hậu Giang, Sóc Trăng, …;

**2.8. Cây hồ tiêu**

***- Tuyến trùng***: Diện tích nhiễm 1.925 ha (giảm 3 ha so với kỳ trước, giảm 453 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 206 ha; phòng trừ trong kỳ 191 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Nai, Bình Phước, Kiên Giang, Bình Dương…;

***- Bệnh chết chậm***: Diện tích nhiễm 1.838 ha (giảm 18 ha so với kỳ trước, giảm 135 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 103 ha; phòng trừ trong kỳ 271 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước, Kiên Giang, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương,…;

***- Bệnh chết nhanh***: Diện tích nhiễm 418 ha (giảm 5 ha so với kỳ trước, tăng 87 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 3 ha; phòng trừ trong kỳ 9 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Phước, Kiên Giang, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu…;

**2.9. Cây cà phê**

***- Bệnh khô cành***:Diện tích nhiễm 6.662 ha (tăng 281 ha so với kỳ trước, giảm 592 ha so CKNT); trong đó nhiễm nặng 95 ha; phòng trừ trong kỳ 5.652 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..;

***- Bệnh gỉ sắt:*** Diện tích nhiễm 5.695 ha (tăng 30 ha so với kỳ trước, giảm 1.737 ha so CKNT), trong đó nhiễm nặng 11 ha; phòng trừ trong kỳ 10.922 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai, …;

**2.10. Cây chè**

***Bọ xít muỗi***: Diện tích nhiễm 4.647 ha (tăng 303 ha so với kỳ trước, tăng 1.283 ha so với CKNT); phòng trừ trong kỳ 3.499 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Nguyên, Phú Thọ, Sơn La, Lâm Đồng, Gia lai…;

**2.11. Cây sắn (khoai mì)**

***Bệnh khảm lá virus:*** Diện tích nhiễm 44.530 ha (giảm 2.643 ha với kỳ trước, giảm 14.022 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 12.286 ha, phòng trừ môi giới truyền bệnh 1.967 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Gia Lai, Khánh Hoà, Bình Thuận, Đắk Lắk, Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Phước….;

**2.12. Cây điều**

***- Bọ xít muỗi***: Diện tích nhiễm 3.919 ha (giảm 189 ha so với kỳ trước, giảm 136 ha so với CKNT), Nhiễm nặng 2 ha, phòng trừ trong kỳ 1.788 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh: Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai, …;

***- Bệnh thán thư:*** Diện tích nhiễm 3.715 ha (giảm 365 ha so với kỳ trước, giảm 1.247 ha so với CKNT), nhiễm nặng 30 ha, phòng trừ trong kỳ 1.529 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Bình Phước, Đồng Nai,.

**III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

**1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

***1.1. Trên cây Lúa***

1.1.1. Các tỉnh Bắc Bộ: - Rầy nâu – rầy lưng trắng: Tiếp tục gây hại trên trà lúa chính vụ, muộn, giống nhiễm.

**-** Sâu cuốn lá nhỏ: Sâu non gây hại chủ yếu trên diện tích lúa muộn và trỗ muộn.

**-** Sâu đục thân 2 chấm: Sâu non gây bông bạc trên trà lúa muộn và các diện lúa trỗ trong tháng 10.

- Chuột, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn tiếp tục hại.

1.1.2. Các tỉnh Bắc Trung Bộ:

- Các đối tượng sinh vật gây hại chính như: *Rầy các loại, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, đen lép hạt, chuột,* ... tiếp tục phát sinh gây hại trên trà lúa mùa muộn tại Thanh Hóa, Nghệ An, mức độ nhẹ đến trung bình, nặng cục bộ.

1.1.3. Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

- Đồng bằng:

+ Sâu đục thân, bệnh đạo ôn cổ lá+cổ bông, bệnh khô vằn, bệnh đenlép thối hạt,...tiếp tục gây hại trên lúa Mùa trà sớm giai đoạn trổ - chắc xanh.

+ Bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, bệnh đạo ôn lá,…hại lúa Mùa giai đoạn mạ - đẻ nhánh - đòng trổ.

- Tây Nguyên:

+ Sâu đục thân, bệnh đạo ôn cổ lá+cổ bông, bệnh khô vằn, bệnh lem lép thối hạt,...hại lúa Hè Thu cuối vụ, lúa Mùa trà sớm giai đoạn trổ - chắc xanh.

+ Bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, bệnh đạo ôn lá,…hại lúa Mùa giai đoạn mạ - đẻ nhánh - đòng trổ.

- Chuột: Gây hại nhẹ rải rác trên các trà lúa.

- Ốc bươu vàng: Lây lan theo nguồn nước và gây hại rải rác trên lúa Mùa ở vùng trũng thấp.

1.1.4. Các tỉnh Nam Bộ

*- Rầy nâu:* trên đồng phổ biến rầy tuổi biến tuổi TT- mang trứng, rải rác có 1 số rầy cám nở trên trà lúa giai đoạn đẻ nhánh- trổ. Các tỉnh tiếp tục khuyến cáo nông dân thăm đồng thường xuyên, nắm bắt sát tình hình rầy gây hại trên đồng để quản lý tốt đối tượng này.

- Hiện nay thời tiết thường có mưa nhiều vào chiều tối và đêm, ẩm độ không khí cao tạo điều kiện thuận lợi cho *bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá, bệnh đen lép hạt,* .. phát triển gia tăng diện tích hại trong tuần tới. Khuyến cáo thăm đồng thường xuyên để phát hiện bệnh sớm và có biện pháp quản lý kịp thời, hiệu quả.

Ngoài ra, cần chú ý: *Ốc bươu vàng* gây hại trên trà lúa Thu Đông- Mùa mới xuống giống <15 ngày sau sạ (NSS.). *Chuột* gây hại trên lúa giai đoạn đòng trỗ - chín, áp dụng các biện pháp diệt chuột trên diện rộng, mang tính cộng đồng để tăng hiệu quả phòng, trừ.

***1.2. Trên cây trồng khác***

- **Trên cây ngô**: *Sâu keo mùa thu, bệnh đốm lá, bệnh khô vằn, chuột...* tiếp tục phát sinh gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, hại nặng cục bộ.

**- Trên cây rau, màu**: Các đối tượng sinh vật hại như *sâu tơ, bọ nhảy, sâu khoang, rệp, bọ trĩ, bệnh lở cổ rễ, bệnh sương mai ...*  tiếp tục gây hại nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng trên rau họ hoa thập tự; *bệnh mốc sương, héo xanh, bệnh héo vàng...* tiếp tục hại trên cây họ bầu bí; *bệnh lở cổ rễ, chết ẻo, thối gốc*...phát sinh gây hại tăng trên rau giai đoạn cây con.

**- Cây ăn quả có múi**: *Bệnh vàng lá thối rễ*, *bệnh Greening, bệnh thán thư, ruồi đục quả,...* tiếp tục phát sinh và gây hại trên các vùng trồng cây có múi, gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

**- Cây nhãn, vải:** *Bệnh chổi rồng nhãn* tiếp tục phát sinh gây hại tại các tỉnh phía Nam; *bọ xít nâu, bệnh thán thư, sâu đục quả,..* tiếp tục hại.

**- Cây chè**: *Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bệnh phồng lá*... tiếp tục phát sinh gây hại, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

**- Cây sắn**: *Bệnh khảm lá virus* tiếp tục lây lan nhiễm bệnh tại các vùng trồng sắn trong cả nước, đặc biệt khu vực miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ. Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như *bọ phấn trắng, rệp sáp*... .

**- Cây cà phê:** *Bọ xít muỗi* tiếp tục gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên cà phê ở các tỉnh miền Trung*;* *rệp sáp, rệp vảy, bệnh khô cành, bệnh thán thư, bệnh gỉ sắt, mọt đục cành,...* tiếp tục hại.

**- Cây hồ tiêu**: *Bệnh chết nhanh, bệnh chết chậm, tuyến trùng rễ, rệp các loại,*... tiếp tục hại.

- **Cây điều**: *Bọ xít muỗi, bệnh thán thư, sâu đục thân/cành ....* tiếp tục phát sinh và gây hại tăng trong điều kiện thời tiết thuận lợi hiện nay, hại nặng cục bộ.

- **Cây thanh long***:* *Bệnh đốm nâu, bệnh thán thư, rệp sáp,*...tiếp tục gây hại.

- **Cây dừa***: Bọ cánh cứng* tiếp tục phát sinh và gây hại tại các vùng trồng dừa; *sâu đầu đen* tiếp tục phát sinh và gây hại tại các khu vực trồng dừa tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Tiền Giang, Sóc Trăng,...

**- Cây sầu riêng:** *Bệnh xì mủ* có khả năng gia tăng diện tích nhiễm, nhất là trên những vườn chăm sóc kém, không thoát nước tốt.

***-* Cây lâm nghiệp:***Châu chấu tre* trưởng thành tiếp tục gây hại, tập trung tại các khu vực châu chấu sinh sản hàng năm thuôc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Điện Biên,...; *Sâu róm thông bệnh rơm lá thông, bệnh chết héo cây keo,...* tiếp tục gây hại cục bộ.

**2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Bắc Bộ: Thực hiện tốt công văn số 7410/BNN-TT ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường chỉ đạo sản xuất vụ Đông 2024; tiếp tục thực hiện công văn số 6637/BNN/-TT ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc khắc phục sản xuất trồng trọt sau cơn bão số 3-YAGI; công văn số 1973/BVTV-TV ngày 06/9/2024 của Cục Bảo vệ thực vật về việc chủ động phòng chống SVGH sau bão và công văn số 2213/BVTV-TV ngày 08/8/2022 của Cục bảo vệ thực vật về việc hướng dẫn biện pháp kỹ thuật quản lý lúa cỏ (lúa ma).

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Bắc Trung Bộ: Tiếp tục chỉ đạo phòng trừ chuột trên lúa mùa muộn bằng tất cả các biện pháp, chú trọng biện pháp thủ công và các chế phẩm sinh học

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Duyên Hải Nam Trung Bộ tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến sinh vật gây hại chính trên lúa Hè Thu 2024 cuối vụ và lúa Thu Đông - Mùa 2024 để chủ động các biện pháp phòng chống. Tiếp tục theo dõi diễn biến rầy vào đèn, xác định cao điểm rầy vào đèn chỉ đạo xuống giống vụ Thu Đông 2024 “né rầy”.

- Chỉ đạo các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ: tiếp tục nắm chắc diễn biến tình hình và chủ động biện pháp phòng chống các đối tượng sinh vật gây hại chính như: *bệnh chết nhanh, chết chậm* và *tuyến trùng rễ* hại trên cây hồ tiêu; *rệp, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt,*.. hại trên cây cà phê; *bọ xít muỗi và bệnh thán thư* hại trên cây điều; *bệnh nứt, thân xì mủ* trên cây sầu riêng, *bệnh đốm nâu* hại Thanh Long.

- Chỉ đạo các Trung tâm BVTV vùng, các tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công văn số 106/BVTV-TV ngày 19/01/2024 của Cục Bảo vệ thực vật về việc thực hiện các quy định về điều tra phát hiện SVGH cây trồng và công văn số 944/BVTV-TV ngày 01/6/2020 của Cục BVTV về báo cáo định kỳ.

- Chỉ đạo các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15/3/2024 của Bộ NN&PTNT về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng ngô tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống *sâu keo mùa thu hại ngô*. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng sắn tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Chỉ đạo các tỉnh tiếp tục điều tra, phát hiện và chủ động biện pháp phòng chống sinh vật gây hại trên cây lâm nghiệp ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Lãnh đạo Cục BVTV (để b/c);  - Phòng KH-TH, HTQT&TT (đưa website Cục);  - Trung tâm BVTV vùng;  - Trung tâm tin học thống kê của Bộ;  - Báo NNVN; Đài VTC16;  - Lưu: VT, BVTV. | **KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**      **Nguyễn Quý Dương** |

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ**

| **Stt** | **Tên SVGH** | **DTN (ha)** | | | | **DTN so với** | | **Phòng trừ** | **Phân bố** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Tổng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| **I** | **Cây Lúa** | | | | | | | | |
| 1 | Đạo ôn lá | 4.470 | 1 | 0 | 4.471 | -826 | -720 | 6.873 | ĐB, L.Châu, BK...B.Thuận, L.Đồng, G.Lai, Đ.LắkAG, VL, ĐT, TN, ST, LA |
| 2 | Đạo ôn cổ bông | 1.874 | 0 | 0 | 1.874 | -1.206 | -63 | 1.278 | G.Lai, L.ĐồngVL, HG, ST, TG, CM, LA |
| 3 | Rầy hại lúa | 5.994 | 854 | 0 | 6.848 | 2.179 | 1.735 | 5.654 | NB, H.Nam, HY...TG, ĐT, ĐN, LA, BP, TN |
| 4 | Sâu đục thân 2 chấm | 1.385 | 78 | 0 | 1.463 | 114 | 384 | 14.371 | TB, BN, BG...G.Lai, B.Thuận, L.Đồng, Đắk LắkBL, VT, HG, BP |
| 5 | Sâu cuốn lá nhỏ | 5.346 | 6.289 | 0 | 11.635 | -9.971 | 9.382 | 17.003 | NĐ, NB, QN...NAG.LaiAG, ST, TN, ĐT, TV, HCM |
| 6 | Bệnh bạc lá | 11.408 | 457 | 0 | 11.865 | -1.289 | 2.222 | 5.915 | NĐ, BG, BN...AG, VL, HG, CT, TN, ST |
| 7 | Bệnh đen lép hạt | 6.347 | 225 | 6 | 6.577 | -3.473 | 1.658 | 5.641 | BG, BN, ĐB... NAĐ.Lắk, G.LaiVL, HG, AG, ST, TG, CM |
| 8 | Chuột hại lúa | 5.488 | 98 | 0 | 5.586 | -2 | 1.430 | 1.287 | TB, NB, H.Nam... NAB.Thuận, K.Hòa, G.Lai, Đ.LăkAG, BL, HG, VL, ĐN, HCM |
| 9 | Ốc bươu vàng | 9.000 | 0 | 0 | 9.000 | 4.077 | 3.745 | 5.692 | B.Thuận, G.Lai, K.HòaBL, LA, ĐN, ST, TV, HCM |
| 10 | Bệnh khô vằn | 47.564 | 2.877 | 0 | 50.441 | 8.136 | 23.221 | 78.325 | H.Nam, BG, BN... NAG.Lai, Đ.Lắk, B.ĐịnhVL, HCM, HG, TN |
| 11 | Bọ trĩ | 514 | 0 | 0 | 514 | 88 | 199 | 309 | G.Lai, L.Đồng, Đắk LắkTN, BL, ST, AG, ĐT, BP |
| **II** | **Cây trồng khác** | | | | | | | | |
| 1 | Chổi rồng nhãn | 227 | 10 | 0 | 237 | -7 | -253 | 86 | BP, VL, ST, TV, TG, BT, HG |
| 2 | Bệnh vàng lá thối rễ cây có múi | 976 | 17 | 0 | 993 | -26 | -44 | 472 | BG, TQ, HB…NAHG, ST, TG, VL, TV, BRVT |
| 3 | Bệnh Greening | 551 | 38 | 5 | 594 | 6 | -152 | 54 | NAVL, HG, ST, TV, BP |
| 4 | Đốm nâu thanh long | 4.399 | 33 | 0 | 4.432 | -295 | -909 | 4.998 | B.ThuậnLA, TG, TV, BRVT |
| 5 | Bọ cánh cứng hại dừa | 5.439 | 28 | 0 | 5.467 | -19 | 10 | 263 | BT, ST, CM, TG, KG, TV, VL, BL, HG |
| 6 | Sâu đầu đen hại dừa | 868 | 271 | 0 | 1.140 | 13 | 786 | 473 | BT, TG, TV, KG, VL, ST |
| 7 | Bệnh xì mủ hại sầu riêng | 3.736 | 215 | 0 | 3.951 | -212 | 100 | 6.349 | L.Đồng, K.Hòa, Đ.LắkĐN, TG, BP, VL, HG, ST |
| 8 | Tuyến trùng hại tiêu | 1.719 | 206 | 0 | 1.925 | -3 | -453 | 191 | QTG.Lai, Đ.LắkĐN, BP, BD, KG |
| 9 | Chết chậm hại tiêu | 1.735 | 103 | 0 | 1.838 | -18 | -135 | 271 | QB,QTB.Thuận, G.Lai, Đ.Lắk, Đ.Nông, L.ĐồngĐN, BP, BRVT, BD, KG |
| 10 | Chết nhanh hại tiêu | 415 | 3 | 0 | 418 | -5 | 87 | 9 | QTG.LaiĐN, BP, KG, BRVT |
| 11 | Bệnh khô cành cà phê | 6.567 | 95 | 0 | 6.662 | 281 | -592 | 5.652 | ĐB, SLQTG.Lai, Đ.Lắk, L.ĐồngĐN, BP |
| 12 | Gỉ sắt cà phê | 5.684 | 11 | 0 | 5.695 | 30 | -1.737 | 10.922 | Điện BiênQTG.Lai, Đ.Lắk, L.ĐồngĐN, BP |
| 13 | Bọ xít muỗi hại điều | 3.917 | 2 | 0 | 3.919 | -189 | -136 | 1.788 | L.Đồng, G.Lai, Đ.LắkBP, ĐN |
| 14 | Bệnh thán thư hại điều | 3.685 | 30 | 0 | 3.715 | -365 | -1.247 | 1.529 | L.Đồng, G.Lai, Đ.LắkBP, ĐN |
| 15 | Bọ xít muỗi hại chè | 4.647 | 0 | 0 | 4.647 | 303 | 1.283 | 3.499 | TN, YB, LChau…L.Đồng, G.Lai |
| 16 | Bệnh khảm lá sắn (mì) | 32.244 | 12.286 | 0 | 44.530 | -2.643 | -14.022 | 1.967 | Hòa BìnhTH, NA, QB, QT, HuếP.Yên, Q.Ngãi, G.Lai, Q.Nam, B.Thuận, K.Hòa, Đ.LắkTN, ĐN, BRVT, BD, BP, LA |
| 17 | Sâu keo mùa thu hại ngô | 207 | 4 | 0 | 210 | -61 | -405 | 151 | BG, NĐ, L.Châu, PT HTL.Đồng, B.Thuận, P.YênĐN |